

Ngày 30/09/2025	84,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.9%	14.0%	7.1%

	Q3/25	
ROE	6.1%	+/- YoY ▼ 0.9%

	Q3/25		
DT thuần	639	QoQ	YoY
		▲ 65.0 ▲ 11.3%	▲ 95.0 ▲ 17.4%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	1,709	YoY
		▲ 165 ▲ 10.7%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	49.7	QoQ	YoY
		▼ 1.40 ▼ 2.7%	▼ 6.30 ▼ 11.2%
	tỷ VNĐ		

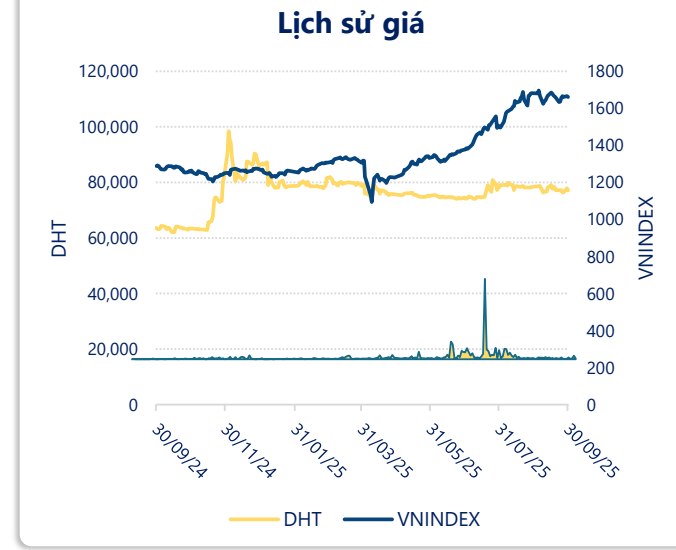
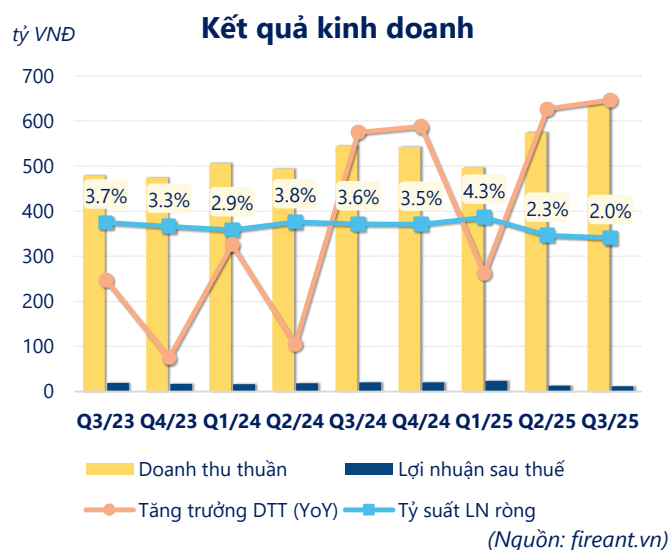
	9T 2025	
LN gộp	157	
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	9.91	QoQ	YoY
		▼ 2.59 ▼ 20.7%	▼ 11.9 ▼ 54.6%
	tỷ VNĐ		

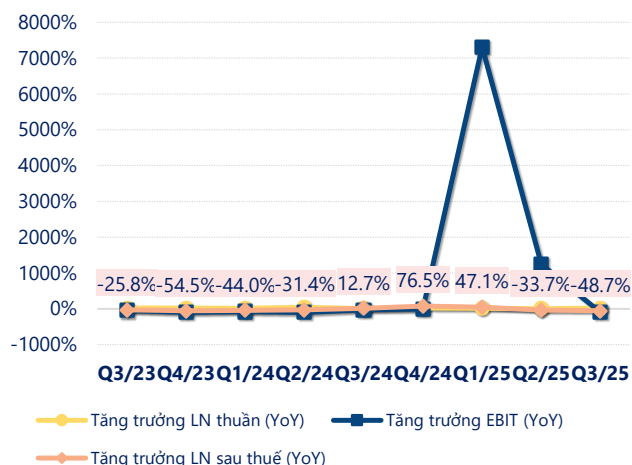
	9T 2025	
LN thuần	48.8	YoY
		▼ 9.00 ▼ 15.6%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	11.5	QoQ	YoY
		▼ 1.90 ▼ 14.0%	▼ 8.80 ▼ 43.2%
	tỷ VNĐ		

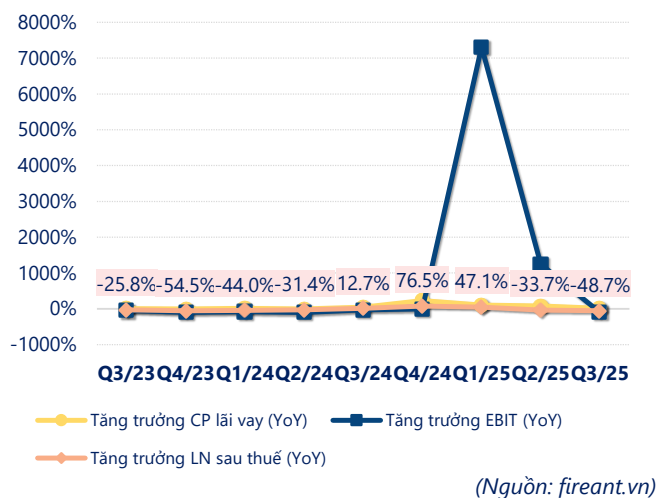
	9T 2025	
LN sau thuế	48.8	YoY
		▼ 6.00 ▼ 10.9%
	tỷ VNĐ	



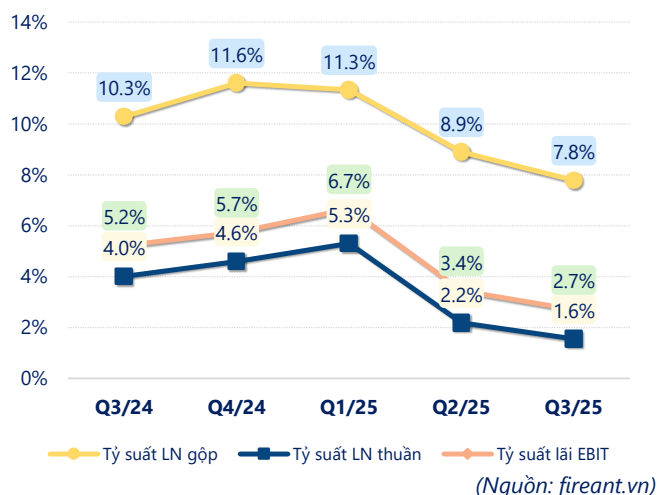
Tăng trưởng lợi nhuận



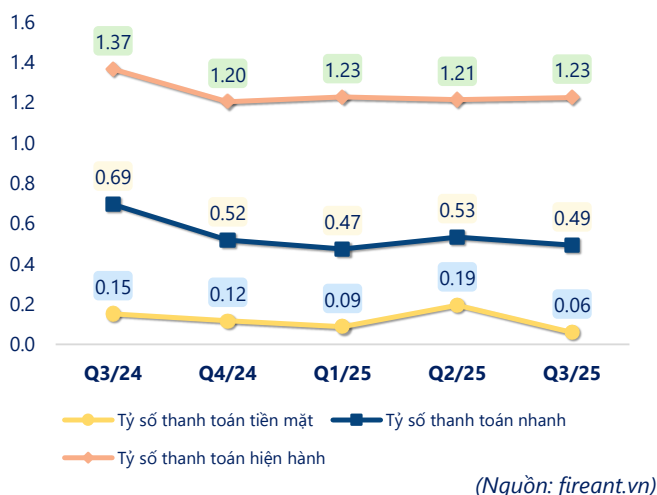
Tăng trưởng chi phí



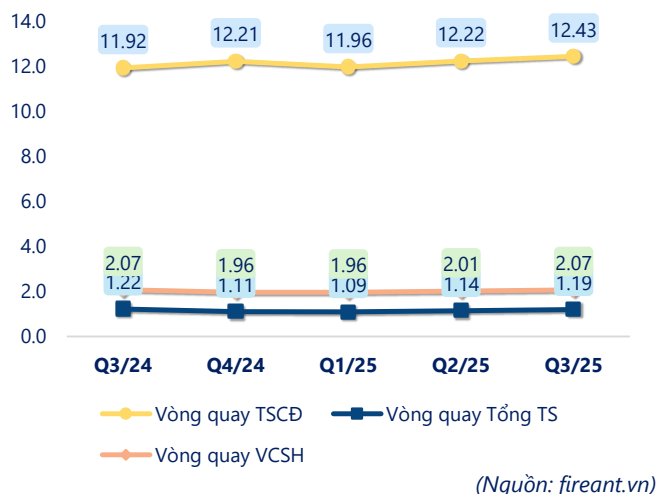
Tỷ suất lợi nhuận



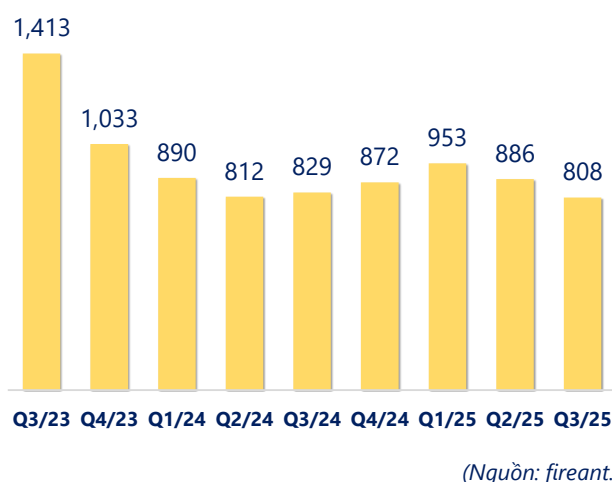
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	639	544	17.4%	1,709	1,544	10.7%
Giá vốn hàng bán	589	488	20.7%	1,552	1,387	11.9%
Lợi nhuận gộp	49.7	56.0	-11.2%	157	157	0.1%
Doanh thu HĐTC	5.68	5.56	2.1%	22.0	14.7	49.0%
Chi phí TC	3.67	3.26	12.7%	16.9	15.0	13.0%
Chi phí lãi vay	3.17	3.23	-1.8%	10.3	9.66	6.6%
LN trong công ty LKLD	1.54	1.31	17.2%	6.53	3.89	67.8%
Chi phí bán hàng	7.71	6.97	10.6%	23.4	22.6	3.8%
Chi phí QLDN	35.6	30.8	15.7%	96.4	80.2	20.2%
LN thuần từ HĐKD	9.91	21.8	-54.6%	48.8	57.8	-15.6%
Lợi nhuận khác	4.17	3.38	23.3%	11.0	10.2	8.1%
LN trước thuế	14.1	25.2	-44.1%	59.7	67.9	-12.0%
Lợi nhuận sau thuế	11.5	20.3	-43.2%	48.8	54.8	-10.9%
LNST của CĐ cty mẹ	13.0	19.4	-32.9%	47.5	52.7	-9.9%

(Nguồn: fireant.vn)

